| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2025
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hoàng Thị Ngọc;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vi Văn Thanh;

2. Bà Hoàng Thị Giang.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2025/QĐ-HNGĐST ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1998, cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn K, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Chu Thị Y, sinh năm 2000, cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn P, xã L, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04/6/2025 và các lời khai sau đó nguyên đơn anh Nông Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị Chu Thị Y có được tự do tìm hiểu nhau khoảng 01 (một) năm và tự nguyện kết hôn. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 25/5/2020. Đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình

gặp khó khăn nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 6/2021 chị Chu Thị Y bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn) sinh sống. Từ tháng 6/2021 đến nay, anh và chị Chu Thị Y sống ly thân, nhiều lần anh gọi điện bảo chị Chu Thị Y về nhà nhưng chị Chu Thị Y không về, anh cũng nhiều lần đến nhà mẹ đẻ chị Chu Thị Y để hàn gắn tình cảm, đón chị Chu Thị Y về nhà nhưng chị Chu Thị Y trốn tránh không về. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với chị Chu Thị Y.

Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020. Hiện nay cháu Nông Linh C đang sống cùng với anh Nông Văn T tại Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn K, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020 đến khi con đủ 18 tuổi; không yêu cầu chị Chu Thị Y cấp dưỡng nuôi con chung, anh có chỗ ở ổn định tại Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn K, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn).

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Anh chị không vay nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn chị Chu Thị Y nhưng chị Chu Thị Y không tham gia tố tụng. Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2025, trưởng thôn Ph, xã Đ, huyện L (nay là xã L), tỉnh Lạng Sơn là ông Phan Phúc Đ trình bày sau khi anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y kết hôn thì có ở tại nhà của bà Hoàng Thị M – là mẹ đẻ của chị Chu Thị Y một thời gian sau đó anh Nông Văn T đưa con về nhà ở huyện C (nay là xã C), tỉnh Lạng Sơn sinh sống, còn chị Chu Thị Y đi làm xa, ông không biết mâu thuẫn giữa anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y. Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2025, mẹ đẻ của chị Chu Thị Y là bà Hoàng Thị M trình bày bà là mẹ đẻ của chị Chu Thị Y, năm 2020 sau khi kết hôn xong thì anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y có ở nhà bà một thời gian tại thôn P, xã Đ, huyện L (nay là xã L), tỉnh Lạng Sơn, khoảng năm 2022 chị Chu Thị Y đi làm xa, thỉnh thoảng mới về, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng do áp lực về kinh tế, tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, chị Chu Thị Y đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án, biết việc anh Nông Văn T yêu cầu ly hôn nhưng do bận công việc nên không đến Toà án được. Chị Chu Thị Y có nói với bà Hoàng Thị M là chị đồng ý ly hôn với anh Nông Văn T vì vợ chồng không còn tình cảm, đồng ý cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020 đến khi con đủ 18 tuổi, chị Chu Thị Y không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực

hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nông Văn T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Chu Thị Y đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 25/5/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau. Vì vậy, anh Nông Văn T yêu cầu ly hôn với chị Chu Thị Y là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Nông Văn T được ly hôn với chị Chu Thị Y. Về con chung: Anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y có 01 con chung là cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020, hiện đang sống với anh Nông Văn T. Anh Nông Văn T có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2025, mẹ đẻ của chị Chu Thị Y là bà Hoàng Thị M trình bày chị Chu Thị Y có ý kiến là đồng ý cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020 đến khi đủ 18 tuổi, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị Chu Thị Y không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Chu Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nông Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Chu Thị Y vắng mặt tại phiên toà mở lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Chu Thị Y cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện L (nay là xã L), tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 25/5/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Anh Nông Văn T yêu cầu ly hôn. Bà Hoàng Thị M là mẹ đẻ của chị Chu Thị Y trình bày chị Chu Thị Y có ý kiến đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của Anh Nông Văn T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y có 01 con chung là cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020, hiện đang sống với anh Nông Văn T. Anh Nông Văn T có công việc, chỗ ở ổn định nên có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2025, mẹ đẻ của chị Chu Thị Y là bà Hoàng Thị M trình bày chị Chu Thị Y có ý kiến là đồng ý cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020 đến khi đủ 18 tuổi, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020 cho Anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Chu Thị Y chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nông Văn T chưa yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nông Văn T và chị Chu Thị Y không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, không vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn Anh Nông Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nông Văn T được ly hôn với chị Chu Thị Y. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 05, đăng ký ngày 25/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Linh C, sinh ngày 03/11/2020 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị Y chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nông Văn T chưa yêu cầu. Chị Chu Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Chu Thị Y thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Nông Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Nông Văn T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2024/0002394 ngày 04/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn)

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5-Lạng Sơn
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Ngọc**